QUY TẮC BẢO HIỂM
TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CHỦ TÀU THỦY NỘI ĐỊA



An tâm đồng hành - Vững bước vươn xa

1900 9456 bic.vn | mybic.vn Bảo hiểm BIDV - BIC

QUY TẮC BẢO HIỂM
TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CHỦ TÀU THỦY NỘI ĐỊA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **4011/QĐ-HH** ngày 26/12/2025*
của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV)

CHƯƠNG I: ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM

Điều 1. Quy định chung

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (dưới đây gọi tắt là BIC) nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu cho các chủ phương tiện thủy nội địa có đăng ký, đăng kiểm theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam hoạt động hợp pháp trong vùng nội thủy và vùng biển Việt Nam.

Thuật ngữ "Tàu thủy nội địa (gọi tắt là tàu)" nói trong Quy tắc này bao gồm các loại phương tiện tự hành hoặc không tự hành dùng để chuyên chở hàng hoá, hành khách, nguyên nhiên liệu hoặc chuyên dùng để lai dắt, cứu hộ, nghiên cứu, nạo vét, hút bùn, kể cả tàu công tác, kiểm tra…

CHƯƠNG II: PHẠM VI TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Điều 2. Giới hạn bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu

Trách nhiệm cao nhất của BIC đối với mỗi vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm là thiệt hại thực tế do tàu được bảo hiểm gây ra mà chủ tàu phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Tòa án nhưng không vượt quá các giới hạn trách nhiệm đã ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy sửa đổi bổ sung (nếu có).

Điều 3. Phạm vi trách nhiệm bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu

Với loại hình bảo hiểm này, BIC nhận trách nhiệm bồi thường:

1. Những chi phí thực tế phát sinh từ hoạt động của tàu được bảo hiểm mà chủ tàu phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của luật pháp cũng như theo quyết định của Toà án gồm:

1.1) Chi phí tẩy rửa ô nhiễm dầu, tiền phạt của chính quyền địa phương và các khiếu nại về hậu quả do ô nhiễm dầu gây ra;

1.2) Chi phí thắp sáng, đánh dấu, phá hủy, di chuyển xác tàu được bảo hiểm bị đắm (nếu có). BIC chỉ chịu trách nhiệm đối với những chi phí này khi chủ tàu tuyên bố từ bỏ tàu;

1.3) Chi phí cần thiết và hợp lý trong việc ngăn ngừa và hạn chế tổn thất, trợ giúp cứu nạn;

1.4) Chi phí liên quan đến việc tố tụng, tranh chấp khiếu nại về trách nhiệm dân sự;

1.5) Chi phí khi thực hiện nghĩa vụ hay các biện pháp cần thiết nhằm mục đích cứu sinh mạng trên biển, sông, hồ với điều kiện Người được bảo hiểm có nghĩa vụ pháp lý đối với các chi phí đó và các chi phí đó không thể đòi được từ người thứ ba.

2. Trách nhiệm mà chủ tàu phải gánh chịu theo quy định của luật pháp do tàu được bảo hiểm gây ra làm:

2.1) Thiệt hại cầu cảng, đê, đập, kè cống, bè mảng, giàn đáy, công trình trên bờ hoặc dưới nước, cố định hoặc di động;

2.2) Bị thương hoặc thiệt hại tính mạng, tài sản của người thứ ba khác (không phải là thuyền viên, hành khách trên tàu được bảo hiểm).

3. Trách nhiệm đâm va:

BIC nhận trách nhiệm bồi thường những chi phí thực tế phát sinh từ tai nạn đâm va giữa tàu được bảo hiểm với tàu khác mà chủ tàu được bảo hiểm có trách nhiệm phải bồi thường cho người khác, nhưng không vượt quá giới hạn trách nhiệm được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm về:

3.1) Thiệt hại hư hỏng đối với tàu khác hay tài sản trên tàu khác ấy;

3.2) Chậm trễ hay mất thời gian sử dụng tàu khác hay tài sản trên tàu ấy;

3.3) Tổn thất chung, cứu nạn hay cứu hộ theo hợp đồng của tàu khác hay tài sản trên tàu ấy;

3.4) Trục vớt, di chuyển hoặc phá hủy xác tàu ấy;

3.5) Thuyền viên trên tàu ấy bị chết hoặc bị thương;

3.6) Tẩy rửa ô nhiễm do tàu ấy gây ra.

BIC cũng nhận trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tàu được bảo hiểm đâm va với tàu cùng chủ hoặc cùng quyền quản lý. Trong trường hợp này, trách nhiệm đâm va hoặc số tiền phải trả cho dịch vụ đã cung ứng phải được BIC đồng ý hay theo quyết định của Tòa án.

Điều 4. Bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với thuyền viên

BIC nhận bảo hiểm trách nhiệm bồi thường chi phí mà chủ tàu phải gánh chịu theo quy định của pháp luật đối với:

1. Tai nạn, chết của thuyền viên trên tàu được bảo hiểm;

2. Chi phí y tế, chi phí mai táng liên quan đến tai nạn, chết của thuyền viên trên tàu được bảo hiểm;

3. Lương và các khoản phụ cấp lương hoặc trợ cấp của thuyền viên trong trường hợp tàu được bảo hiểm bị tổn thất toàn bộ.

Điều 5. Bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hàng hóa chuyên chở

1. Đối với tàu chở hàng, BIC còn nhận trách nhiệm bồi thường những thiệt hại thực tế do mất mát, hư hỏng hàng hóa chuyên chở trên tàu được bảo hiểm do lỗi của chủ tàu, thuyền viên, người làm công trong việc bốc hàng, sắp xếp, vận chuyển, chăm sóc, dỡ hàng và giao hàng.

2. BIC không chịu trách nhiệm bồi thường đối với:

2.1) Hàng hóa chuyên chở trên tàu được bảo hiểm mà không có chứng từ chuyên chở, chứng từ giao hàng phù hợp được phát hành;

2.2) Mất mát, hư hỏng hàng hóa chuyên chở do những hành vi ăn cắp hoặc thiếu hụt tự nhiên;

2.3) Hàng hóa chuyên chở bị hư hỏng do ẩn tỳ, mối, mọt, chuột;

2.4) Hàng hóa là súc vật sống trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Người được bảo hiểm và BIC.

Điều 6. Bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hành khách

Đối với tàu chở khách, BIC còn nhận trách nhiệm bồi thường đối với:

1. Những chi phí mà chủ tàu phải gánh chịu theo quy định của pháp luật do hành khách có vé đi tàu bị thương, ốm đau, chết do lỗi của chủ tàu, thuyền viên, người làm công.

2. Những chi phí mà chủ tàu phải gánh chịu theo quy định của pháp luật đối với hành khách có vé đi tàu do hậu quả tai nạn của tàu được bảo hiểm (ngoài những rủi ro đã quy định của mục trên) kể cả chi phí đưa hành khách tới bến đến hoặc quay trở lại bến đi.

Điều 7. Bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với phương tiện được lai kéo

Đối với trường hợp tàu được bảo hiểm lai kéo tàu khác, BIC còn nhận trách nhiệm bồi thường những chi phí mà chủ tàu được bảo hiểm phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật đối với:

1. Các tổn thất của phương tiện được lai kéo gây ra do lỗi của tàu được bảo hiểm trong quá trình lai kéo, bao gồm:

1.1) Thiệt hại về thân thể của thuyền viên và người thứ ba khác trên phương tiện được lai kéo;

1.2) Thiệt hại của phương tiện được lai kéo, chi phí cứu hộ, chi phí trục vớt, di chuyển xác phương tiện được lai kéo. BIC sẽ giải quyết bồi thường trong trường hợp tàu được bảo hiểm lai kéo tàu cùng chủ hoặc cùng quyền quản lý như trong trường hợp mỗi tàu thuộc một chủ tàu riêng biệt với điều kiện người được bảo hiểm phải thông báo trước cho BIC khi yêu cầu bảo hiểm;

1.3) Thiệt hại, hư hỏng hàng hóa được chuyên chở trên phương tiện được lai kéo. BIC chỉ chịu trách nhiệm đối với hàng hóa chuyên chở trên tàu được lai kéo nếu hàng hóa này có chứng từ chuyên chở, chứng từ giao hàng phù hợp được phát hành.

2. Các tổn thất của người thứ ba gây ra bởi đoàn tàu lai kéo do lỗi của tàu được bảo hiểm trong quá trình lai kéo, bao gồm:

2.1) Bị thương hoặc thiệt hại tính mạng, tài sản của người thứ ba khác;

2.2) Thiệt hại cầu cảng, đê đập, kè cống, bè mảng, giàn đáy, công trình trên bờ hoặc dưới nước, cố định hoặc di động;

2.3) Các thiệt hại của tàu khác do đâm va với đoàn phương tiện lai kéo.

Theo điều này, tàu lai kéo được hiểu là các phương tiện chuyên dùng để lai kéo, đẩy, lai áp mạn.

CHƯƠNG III: LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Điều 8. Những rủi ro loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

BIC không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra có thể được quy hợp lý cho các nguyên nhân sau:

1. Hành động cố ý hoặc quá cẩu thả của Người được bảo hiểm hoặc người thừa hành như: đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan thuyền viên và người lái phương tiện.

2. Vi phạm lệnh cấm do các cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành hoặc hoạt động kinh doanh trái phép.

3. Vi phạm nghiêm trọng luật giao thông đường thủy nội địa hiện hành bao gồm:

3.1) Thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên, người lái phương tiện trong khi làm nhiệm vụ chịu ảnh hưởng của rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác;

3.2) Tàu đi vào tuyến, luồng cấm;

3.3) Tàu chở khách, chở hàng quá tải;

3.4) Tàu vận chuyển hàng hóa độc hại, chất nổ hoặc các chất nguy hiểm khác;

3.5) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

4. Thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên, người lái phương tiện không có bằng cấp hoặc chứng chỉ phù hợp theo quy định (trừ khi Người được bảo hiểm và BIC có thỏa thuận khác bằng văn bản).

5. Do vỏ tàu, máy móc hoặc trang thiết bị của tàu bị hao mòn tự nhiên.

6. Tàu bị mắc cạn bởi ảnh hưởng của thủy triều hoặc con nước lên xuống trong lúc đang neo đậu.

7. Trừ khi có thỏa thuận khác, BIC không chịu trách nhiệm bồi thường mọi tổn thất hoặc những chi phí phát sinh do:

7.1) Rủi ro chiến tranh hoặc những rủi ro tương tự chiến tranh;

7.2) Rủi ro nổi loạn, cướp biển và cướp có bạo động;

7.3) Tàu bị bắt giữ tại bất cứ nơi nào vì bất cứ lý do gì;

7.4) Tàu được trưng dụng hoặc sử dụng vào mục đích quân sự;

7.5) Hành động phá hoại hoặc khủng bố có tính chất chính trị;

7.6) Bất cứ vụ nổ của các loại vũ khí hoặc chất nổ nào;

7.7) Rủi ro năng lượng hạt nhân, ô nhiễm phóng xạ, vũ khí hóa học, sinh học, sinh hóa và vũ khí điện từ;

7.8) Rủi ro chính trị, bảo lãnh tài chính và rủi ro tín dụng;

7.9) Rủi ro tấn công điều khiển học.

Điều 9. Những chi phí loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

BIC không chịu trách nhiệm bồi thường đối với những chi phí có liên quan dưới đây:

1. Chi phí liên quan đến việc chậm trễ của tàu hoặc hàng hóa bị giảm giá trị, mất thị trường hoặc chi phí liên quan đến sản xuất kinh doanh của tàu được bảo hiểm.

2. Mọi số tiền có thể được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm thân tàu.

Điều 10. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

BIC không chịu trách nhiệm bồi thường trong những trường hợp sau:

1. Tàu không đủ khả năng hoạt động, không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật còn hiệu lực và các giấy chứng nhận khả năng hoạt động khác còn hiệu lực theo yêu cầu của cơ quan đăng kiểm.

2. Tàu hoạt động ngoài phạm vi quy định.

3. Tàu neo đậu mà không được neo, buộc chắc chắn, không có thuyền viên trực, trông tàu dù ban ngày hay ban đêm (trừ trường hợp thực hiện theo lệnh, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

4. Hư hỏng mất mát và tổn thất liên quan đến tiền mặt, các loại giấy tờ có giá, kim loại quý, đá quý, đồ vật giá trị quý hiếm, tác phẩm nghệ thuật, bộ sưu tập hoặc các tài sản không cần thiết cho một chuyến đi thông thường của tàu.

CHƯƠNG IV: HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Điều 11. Yêu cầu và chấp nhận bảo hiểm

1. Yêu cầu bảo hiểm

Khi yêu cầu bảo hiểm, Người yêu cầu bảo hiểm phải gửi cho BIC Giấy yêu cầu bảo hiểm. Để xem xét nhận bảo hiểm, BIC có thể yêu cầu người yêu cầu bảo hiểm cung cấp các tài liệu sau:

1.1) Giấy chứng nhận đăng ký tàu;

1.2) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các giấy chứng nhận khả năng hoạt động khác của của tàu do cơ quan đăng kiểm cấp;

1.3) Biên bản kiểm tra tàu khi giao nhận tàu hoặc Biên bản kiểm tra từng phần của Đăng kiểm, Sổ đăng kiểm (nếu có);

1.4) Lịch sử tổn thất của tàu xảy ra trước khi yêu cầu bảo hiểm và đơn bảo hiểm cũ (nếu có).

2. Chấp nhận bảo hiểm

Trên cơ sở yêu cầu bảo hiểm và các thông tin về tàu được bảo hiểm do Người yêu cầu bảo hiểm cung cấp, BIC sẽ xem xét để nhận bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc chứng từ thanh toán phí bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Sửa đổi bổ sung là bộ phận cấu thành Hợp đồng bảo hiểm và ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm được coi là ngày ký Hợp đồng bảo hiểm.

BIC có quyền yêu cầu được kiểm tra tàu trước khi nhận bảo hiểm.

3. Nếu sau khi Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, tàu có thay đổi về các thông tin đã khai báo với BIC trên Giấy yêu cầu bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho BIC biết. BIC sẽ cấp Giấy sửa đổi bổ sung về những sự thay đổi đó và có thể thu thêm phí bảo hiểm nếu xét thấy những thay đổi đó làm tăng thêm rủi ro và trách nhiệm của BIC.

Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm, BIC có quyền yêu cầu được kiểm tra tình trạng chung của tàu. Nếu xét thấy không đảm bảo, BIC sẽ thông báo chấm dứt hiệu lực bảo hiểm hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm cho đến khi tàu được sửa chữa lại phù hợp với các quy phạm của Đăng kiểm.

Nếu Người được bảo hiểm khai báo sai hoặc không thông báo đầy đủ những thay đổi của tàu theo quy định của Điều 11 này, BIC sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất mà nguyên nhân trực tiếp là do khai báo sai trái hoặc không thông báo đầy đủ những thay đổi của tàu gây ra.

Điều 12. Thời hạn bảo hiểm

1. Bảo hiểm theo thời hạn

Thời hạn bảo hiểm được quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm, dài nhất không quá 12 (mười hai) tháng, ngắn nhất không dưới 03 (ba) tháng.

2. Bảo hiểm chuyến

Thời hạn bảo hiểm chuyến được tính kể từ lúc tàu tháo gỡ dây chằng cột hoặc nhổ neo tại cảng đi để bắt đầu chuyến đi và chấm dứt hiệu lực sau 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi thả neo hoặc được cột vào bờ ở cảng đến được ghi cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm hoặc giấy sửa đổi bổ sung (nếu có), nhưng trong mọi trường hợp không vượt quá 01 (một) tháng.

3. Gia hạn hợp đồng bảo hiểm

Khi Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm hết hạn mà tàu còn đang trong chuyến hành trình hoặc đang gặp nguy hiểm hay ghé vào một nơi nào đó để lánh nạn thì tàu vẫn có thể được tiếp tục được bảo hiểm cho đến khi về neo cột an toàn tại cảng đầu tiên, với điều kiện Người được bảo hiểm phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho BIC xin gia hạn hợp đồng và nộp thêm phí bảo hiểm theo yêu cầu của BIC.

4. Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và hủy hợp đồng bảo hiểm

4.1) Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm:

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực mà BIC không phải thông báo chấm dứt bằng văn bản ngay sau khi phát sinh một trong các trường hợp sau:

a) Bên mua bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm.

b) Thay đổi cơ quan đăng kiểm của tàu mà không thông báo cho BIC biết bằng văn bản.

c) Tàu bị đình chỉ hoạt động hoặc giấy phép hoạt động của tàu bị thu hồi hoặc hết hạn.

d) Tàu được chuyển quyền sở hữu, trừ khi chủ tàu đã thông báo cho BIC về việc chuyển giao Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm và được BIC chấp thuận bằng văn bản.

e) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và các giấy tờ đăng kiểm khác của tàu mất hiệu lực hay hết thời hạn.

Riêng đối với trường hợp các giấy tờ đăng kiểm của tàu hết thời hạn trong lúc tàu còn đang trong chuyến hành trình thì việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm sẽ được hoãn lại cho đến khi tàu đến bến, cảng đầu tiên với điều kiện là hành trình của tàu bị kéo dài hợp lý và đã thông báo cho BIC biết trước bằng văn bản.

f) BIC có quyền chấm dứt hiệu lực bảo hiểm sau khi thông báo trước 03 (ba) ngày cho Người được bảo hiểm nếu có sự thay đổi liên quan đến tàu được bảo hiểm làm tăng đáng kể rủi ro mà BIC chấp nhận bảo hiểm. Nếu tàu còn đang trong chuyến hành trình vào thời điểm thông báo thì theo yêu cầu bằng văn bản của Người được bảo hiểm việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm sẽ được hoãn lại cho đến khi tàu đến bến, cảng đầu tiên với điều kiện là hành trình của tàu bị kéo dài hợp lý. BIC sẽ hoàn lại số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian còn lại của Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm kể từ ngày chấm dứt hiệu lực bảo hiểm.

g) Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm có thể được chấm dứt hiệu lực trước hạn bằng sự thỏa thuận giữa Người được bảo hiểm và BIC.

4.2) Hủy hợp đồng bảo hiểm

a) Trường hợp Người được bảo hiểm cố ý cung cấp không đầy đủ thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm để được bồi thường, trả tiền bảo hiểm thì BIC có quyền hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm. BIC sẽ không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm và BIC phải hoàn lại phí bảo hiểm cho Người được bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý. Người được bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho BIC (nếu có).

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thanh toán phí bảo hiểm

1. Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được tính trên cơ sở mức trách nhiệm bảo hiểm và tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng cho tàu tham gia bảo hiểm theo các điều kiện bảo hiểm cụ thể.

Người được bảo hiểm phải thanh toán phí bảo hiểm theo thời hạn quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm, trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm hoặc Thông báo thu phí bảo hiểm.

2. Thời hạn nộp phí bảo hiểm

Thời hạn nộp phí bảo hiểm được quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm hoặc Thông báo thu phí bảo hiểm.

Trong trường hợp Người được bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, nếu không có thỏa thuận khác bằng văn bản, BIC có quyền:

2.1) Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại 4.1) Điều 12 và

2.2) Yêu cầu Người được bảo hiểm nộp số phí cho thời gian đã bảo hiểm mặc dù tàu có bị tổn thất hay không.

3. Thanh toán phí bảo hiểm trong trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ

Người được bảo hiểm phải nộp toàn bộ phí bảo hiểm cho BIC trong trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ làm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của BIC trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày BIC chấp nhận thông báo tổn thất toàn bộ của Người được bảo hiểm hoặc trong thời hạn thanh toán phí theo quy định, tùy thời điểm nào đến trước; hoặc BIC có quyền đối trừ phí bảo hiểm tương ứng vào số tiền bồi thường mà BIC bồi thường cho Người được bảo hiểm.

Trường hợp tổn thất toàn bộ tàu không làm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của BIC xảy ra trước thời điểm thanh toán phí theo quy định, Người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm cho thời gian được bảo hiểm đến khi xảy ra tổn thất toàn bộ nhưng không thấp hơn phí bảo hiểm tính cho 01 (một) tháng. Trường hợp Người được bảo hiểm đã thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm, BIC sẽ hoàn lại phần phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm kể từ ngày xảy ra tổn thất toàn bộ. Trong mọi trường hợp, số phí Người được bảo hiểm phải đóng không thấp hơn phí bảo hiểm tính cho 01 (một) tháng.

Điều 14. Hoàn phí bảo hiểm

Trường hợp Người được bảo hiểm và BIC thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu bằng văn bản, BIC sẽ hoàn lại 80% (tám mươi phần trăm) số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian còn lại của Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm.

Trong mọi trường hợp, BIC chỉ hoàn phí bảo hiểm cho phần phí bảo hiểm vượt quá phí bảo hiểm tính cho 01 (một) tháng.

CHƯƠNG V: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Nếu Người được bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ quy định tại Chương V này, BIC có quyền từ chối bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền khiếu nại.

Điều 15. Nghĩa vụ cung cấp thông tin

1. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ khai báo, cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ mọi thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm vào thời điểm ký kết Hợp đồng bảo hiểm để BIC có thể đánh giá mức độ rủi ro mà BIC chấp nhận bảo hiểm.
2. Nếu sau khi Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm được ký kết, các thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm cung cấp cho BIC khi ký kết Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm lại có sự thay đổi, Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho BIC biết. Đặc biệt, Người được bảo hiểm phải thông báo mọi thay đổi liên quan đến tình trạng tàu được bảo hiểm: thay đổi kết cấu tàu, thay máy tàu,...BIC có thể cấp Giấy sửa đổi bổ sung về những sự thay đổi đó và thu thêm phí bảo hiểm nếu xét thấy những thay đổi đó làm tăng thêm rủi ro và trách nhiệm bảo hiểm của BIC hoặc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm theo quy định tại khoản 4.1) Điều 12.

Điều 16. Tình trạng tàu và điều hành tàu

Người được bảo hiểm và người thừa hành như người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động giao thông thủy nội địa bao gồm và không giới hạn:

1. Tàu phải được đóng mới, hoán cải, trang bị trang thiết bị, bảo quản, khai thác theo đúng các quy phạm kỹ thuật của đăng kiểm đối với tàu hoạt động trong vùng nước liên quan.
2. Thuyền viên trên tàu phải đủ số lượng, có bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Khi neo đậu, tàu phải được neo, buộc chắc chắn và phải có thuyền viên trực, trông tàu dù ban ngày hay ban đêm để đảm bảo có hành động can thiệp ngay lập từ khi có tình huống nguy hiểm.

Người được bảo hiểm và người thừa hành phải hỗ trợ BIC hoặc người được ủy quyền của BIC kiểm tra tình trạng tàu và hàng hóa chuyên chở trên tàu khi được BIC yêu cầu.

Điều 17. Đề phòng và hạn chế tổn thất

Người được bảo hiểm có nghĩa vụ chăm sóc, bảo quản tốt tàu được bảo hiểm. Người được bảo hiểm phải thực hiện mọi biện pháp có thể để ngăn chặn tàu được bảo hiểm gặp phải sự kiện bảo hiểm hoặc hạn chế hậu quả có thể xảy ra.

Khi xảy ra tổn thất có liên quan, Người được bảo hiểm phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ, cứu hộ người, phương tiện và tài sản nhằm hạn chế tổn thất xảy ra.

BIC có thể cùng tham gia hoặc thay thế Người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp đề phòng và hạn chế tổn thất này mà không phải là sự chấp nhận bồi thường và không làm phương hại quyền và nghĩa vụ mỗi bên.

Điều 18. Thông báo tổn thất

Khi xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm phải thực hiện đầy đủ những quy định sau đây:

1. Trình báo ngay cho chính quyền địa phương, công an hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa gần nhất để lập biên bản theo quy định.
2. Thông báo ngay cho BIC và thông báo bằng văn bản chậm nhất không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn hoặc từ ngày tàu về đến bến, cảng đầu tiên.
3. Người được bảo hiểm phải thông báo và chuyển cho BIC ngay khi nhận được thông tin, thư khiếu nại, biên bản, chứng từ pháp lý liên quan đến vụ tai nạn.

CHƯƠNG VI: GIÁM ĐỊNH VÀ BỒI THƯỜNG TỔN THẤT

Điều 19. Giám định tổn thất

1. Khi nhận được thông báo về tổn thất của Người được bảo hiểm, BIC hoặc người được BIC chỉ định thực hiện việc giám định để xác định nguyên nhân, mức độ hư hỏng và tổn thất.

   Người được bảo hiểm phải thu xếp và tạo điều kiện tốt nhất để Người giám định tiến hành giám định tổn thất và giải quyết tai nạn ngay khi có thể. Việc giám định phải được thực hiện trước khi tiến hành sửa chữa các tổn thất của tàu trừ khi có sự chỉ thị khác bằng văn bản của BIC. Trong quá trình giám định và giải quyết tai nạn, Người giám định có thể yêu cầu sự chứng kiến của thuyền trưởng, đại diện chủ tàu và những nhân chứng có liên quan.
2. Trong trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì có thể trưng cầu giám định viên độc lập khác. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định viên độc lập khác thì một trong các bên được yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Người được bảo hiểm chỉ định giám định viên độc lập. Kết luận của giám định viên độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

   Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập khác với kết luận giám định của BIC hoặc người được BIC chỉ định, BIC trả phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập trùng với kết luận của BIC hoặc người được BIC chỉ định, Người được bảo hiểm phải trả phí giám định độc lập.
3. Trong trường hợp hồ sơ khiếu nại không có Biên bản giám định của BIC hoặc của người giám định được BIC chỉ định, BIC có quyền từ chối giải quyết bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền khiếu nại, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 20. Bồi thường thiệt hại cho người thứ ba

Trường hợp tàu được bảo hiểm gây ra tổn thất cho người thứ ba mà có liên quan đến trách nhiệm bồi thường của BIC thì Người được bảo hiểm phải thông báo cho BIC căn cứ theo Điều 18 và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng từ thông tin cần thiết và các tính tiết liên quan đến việc khiếu nại của họ, đồng thời phải làm theo sự chỉ dẫn của BIC hoặc đại diện do BIC chỉ định.

Người được bảo hiểm không được tự ý công nhận trách nhiệm, thỏa thuận, giải quyết, đưa ra xét xử mà không có ý kiến chính thức bằng văn bản của BIC.

BIC sẽ không chấp nhận bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền mà Người được bảo hiểm tự ý giải quyết với người thứ ba khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của BIC.

Điều 21. Mức khấu trừ

1. Nếu một vụ tổn thất được chấp nhận bồi thường thì BIC sẽ khấu trừ vào số tiền bồi thường mức khấu trừ quy định tại Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm.
2. BIC không có trách nhiệm giải quyết bồi thường đối với những vụ tổn thất dưới mức khấu trừ quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 22. Hồ sơ khiếu nại bồi thường

Khi yêu cầu BIC bồi thường, Người được bảo hiểm phải cung cấp cho BIC những tài liệu sau:

1. Thư khiếu nại đòi bồi thường của Người được bảo hiểm.
2. Giấy chứng nhận bảo hiểm.
3. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.
4. Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên (tùy từng trường hợp cụ thể).
5. Báo cáo tai nạn hoặc tổn thất và Kháng nghị hàng hải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn hoặc bến, cảng đến đầu tiên (nếu tai nạn xảy ra khi tàu đang hành trình).
6. Biên bản giám định của BIC hoặc người được BIC ủy quyền.
7. Biên bản tai nạn do chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giao thông đường thủy hoặc công an lập theo các quy định nhà nước về giao thông đường thủy nội địa (trường hợp liên quan đến người, tàu và tài sản của người thứ ba).
8. Hóa đơn, chứng từ, thỏa thuận bồi thường cho người thứ ba liên quan đến những chi phí đòi bồi thường.
9. Thư khiếu nại và toàn bộ tài liệu, chứng từ liên quan đến người thứ ba.
10. Những chứng từ có liên quan khác (trích sao sổ hành trình, nhật ký máy, nhật ký thời tiết, hay các giấy tờ khác của tàu… tùy theo từng trường hợp cụ thể).

Sau khi BIC nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại nói trên của Người được bảo hiểm, nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày mà không có yêu cầu gì thêm thì hồ sơ khiếu nại đó được coi là đầy đủ và hợp lệ.

Điều 23. Thời hạn thanh toán bồi thường

1. Đối với những khiếu nại thuộc trách nhiệm bảo hiểm, BIC phải trả lời việc bồi thường trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại hợp lệ của Người được bảo hiểm.
2. Trường hợp BIC có văn bản từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền khiếu nại thì trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm nhận được giấy báo từ chối căn cứ theo dấu bưu điện hay xác nhận của BIC, nếu Người được bảo hiểm không có ý kiến bằng văn bản thì coi như đã chấp nhận sự từ chối bồi thường và không có quyền khiếu nại tiếp.
3. Trong trường hợp Người được bảo hiểm không chấp nhận việc BIC từ chối bồi thường đối với một phần của số tiền mà Người được bảo hiểm khiếu nại thì BIC sẽ bồi thường trước số tiền đã được hai bên chấp nhận và số tiền còn lại sẽ được tiếp tục xem xét giải quyết khi Người được bảo hiểm có văn bản, chứng từ chứng minh thêm về số tiền bồi thường.

CHƯƠNG VII: THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP

Điều 24. Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường

Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường tổn thất chung quy định là 02 (hai) năm kể từ ngày xảy ra tổn thất chung.

Quá thời hạn quy định trong điều này mọi khiếu nại sẽ không được BIC giải quyết trừ khi BIC có thỏa thuận khác bằng văn bản với Người được bảo hiểm.

Điều 25. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm giữa Người được bảo hiểm và BIC nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.